

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Thọ

2. Ông Vũ Thành Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và thông báo mở lại phiên tòa số 43/TB-PT ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Q**, sinh năm 1979

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1978

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ

(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Phạm Thị Q trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 30/10/2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị về ở chung cùng bố mẹ đẻ anh T khoảng hai tháng thì làm nhà ra ở riêng trên đất của ông bà tại khu 4, xã H huyện Hạ Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T luôn chửi bới, chị đã cố gắng rất nhiều để

hàn gắn hạnh phúc gia đình và nuôi dạy các con nhưng đến nay các con đều đã thành niên, chị và anh T đã sống ly thân khoảng 2 năm không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Q xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 24/01/2002 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 11/01/2004. Hiện nay các cháu đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt. Quá trình xác minh, lấy lời khai tại nhà, anh T xác nhận về thời gian, thủ tục đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị Q trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng, giữa anh và chị Q không có mâu thuẫn quá lớn, mà do chị Q đi làm ăn xa lâu ngày dẫn đến tình cảm xa cách, vợ chồng anh sống ly thân đã lâu. Anh không đồng ý ly hôn với chị Q vì anh không bỏ vợ, nhưng nếu chị Q kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T xác định các văn bản tố tụng của Tòa án gửi thông báo, anh đều được biết nhưng không nhận và không ký văn bản vì anh không bỏ vợ, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Anh nhất trí như chị Q trình bày và đề nghị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự:

- + Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Hai con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 24/01/2002 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 11/01/2004, đều đã thành niên, không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Q cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Văn T cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q, anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q và anh Trần Văn T kết hôn kết hôn ngày 30/10/2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay chửi bới chị Q. Tuy anh T xác định giữa anh và chị Q không có mâu thuẫn lớn mà do chị Q đi làm ăn xa lâu ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, anh không đồng ý ly hôn với chị Q, nhưng quá trình giải quyết, anh T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, đồng thời cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện, trong quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị Q xảy ra mâu thuẫn, chị Q đi xuất khẩu lao động từ năm 2017 đến tháng 3/2023 chị Q về nước và xin ly hôn với anh T, hiện hai người đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh T đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc chị Q xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị Q và anh T có hai con chung là Trần Văn T, sinh ngày 24/01/2002 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 11/01/2004. Hiện nay các cháu đều đã thành niên. Chị Q, anh T không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Do chị Q và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Hai con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 24/01/2002 và cháu Trần Văn A, sinh ngày 11/01/2004 đều đã thành niên nên không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0005224 ngày 07/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Mai Linh